TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **31**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 16 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1084/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Nguyễn Thái B**, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 02 đường Võ Liêm Sơn, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị **Trương Thị Mỹ L**, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 02 đường Võ Liêm Sơn, phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được UBND phường Trường An, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/4/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên đã sống ly thân từ năm 2019, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh B và chị L thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh B và chị L không thể hàn gắn và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 29/8/2003 và

Nguyễn Thái S, sinh ngày 24/6/2009. Do cháu T đã trưởng thành nên anh B và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu S có nguyện vọng được ở với anh B.

Anh B và chị L tự nguyện thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 24/6/2009 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh B và chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001470 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh B, chị L đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 29/8/2003 và Nguyễn Thái S, sinh ngày 24/6/2009. Cháu T đã trưởng thành.

Anh B và chị L tự nguyện thoả thuận: Giao cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 24/6/2009 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thái B và chị Trương Thị Mỹ L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh B và chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001470 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh B, chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Trường An (ĐKKH số 111 ngày 09/4/2007);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng